

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai ngân sách năm 2024

Thời gian: 17 giờ 00 phút ngày 06 tháng 02 năm 2025.

Địa điểm: phòng hội đồng, Trường THCS Chu Văn An Quận 1, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1.

I. Thành phần gồm có:

1. Bà Thân Thị Tuyết Nhung – Chức vụ: Hiệu trưởng.
2. Bà: Nguyễn Thụy Hồng Hoàng – Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn
3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Chức vụ: Thư viện - TTVP (người lập biên bản)

II. Nội dung

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hôm nay, Trường THCS Chu Văn An tiến hành niêm yết công khai 01 bản công khai ngân sách năm 2024, trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại phòng hội đồng. Ngày kết thúc niêm yết bản công khai đến hết ngày 22 tháng 02 năm 2025.

(Đính kèm công khai ngân sách năm 2024)

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 35 phút cùng ngày, đã được các bên đọc lại, thống nhất toàn bộ nội dung nêu trên và ký tên./.

Hiệu trưởng



Thân Thị Tuyết Nhung



Nguyễn Thụy Hồng Hoàng

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Vân

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Mã ĐVQHNS: 1010196

Mã cấp NS: 2



Ngày ký: 06/02/2025 18:05:07
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyên sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	073	00000	85.000.000	8.128.240.000	8.911.075.732	8.911.075.732	8.996.075.732	8.940.245.732	8.940.245.732	0	0	55.830.000	55.830.000
14	073	00000	211.084.919	5.417.322.000	6.666.746.268	6.666.746.268	6.877.831.187	5.699.798.157	5.699.798.157	0	0	0	1.178.033.030
12	073	00000	0	2.979.451.328	3.399.901.328	3.399.901.328	3.399.901.328	3.279.225.488	3.279.225.488	0	0	0	120.675.840
12	098	00000	0	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	0	0	0	0
18	073	00000	0	0	266.456.000	266.456.000	266.456.000	266.456.000	266.456.000	0	0	0	0
Cộng:			296.084.919	16.531.313.328	19.250.479.328	19.250.479.328	19.546.564.247	18.192.025.377	18.192.025.377	0	0	55.830.000	1.354.538.870
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Việt

Người ký: Thêu Do Thi
Ngày ký: 06/02/2023 18:05:07
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KINH Quân 1 - TP Hồ Chí Minh

Thêu Do Thi

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Nga
Ngày ký: 06/02/2023 09:22:23
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Nguyễn Thị Tuyết Nga

Người ký: Thân Thị Tuyết Nhung
Ngày ký: 06/02/2023 19:39:20
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Thân Thị Tuyết Nhung

Số trong: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Mã ĐVQHNS: 1010196

Mã cấp NS: 2



Ngày ký: 08/02/2025 18:04:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	4.624.071.597	4.624.071.597	4.624.071.597	4.624.071.597
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	72.766.744	72.766.744	72.766.744	72.766.744
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	073	6107	00000	0	0	9.936.000	9.936.000	9.936.000	9.936.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	1.352.218.005	1.352.218.005	1.352.218.005	1.352.218.005
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	4.968.000	4.968.000	4.968.000	4.968.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	616.774.206	616.774.206	616.774.206	616.774.206
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	835.746.776	835.746.776	835.746.776	835.746.776
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	146.325.173	146.325.173	146.325.173	146.325.173
Kinh phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	107.349.105	107.349.105	107.349.105	107.349.105
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	48.785.754	48.785.754	48.785.754	48.785.754
Các khoản đóng góp khác	13	073	6349	00000	0	0	17.952.742	17.952.742	17.952.742	17.952.742
Chi khác	13	073	6449	00000	0	0	124.174.800	124.174.800	124.174.800	124.174.800
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	53.672.820	53.672.820	53.672.820	53.672.820
Tiền nước	13	073	6502	00000	0	0	7.207.200	7.207.200	7.207.200	7.207.200
Văn phòng phẩm	13	073	6551	00000	0	0	39.602.600	39.602.600	39.602.600	39.602.600
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	073	6608	00000	0	0	432.000	432.000	432.000	432.000

Thuế lao động trong nước	13	073	6757	00000	0	0	148.499.008	148.499.008	148.499.008	148.499.008
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	13	073	7951	00000	0	0	310.786.882	310.786.882	310.786.882	310.786.882
Chi lập Quỹ phúc lợi	13	073	7952	00000	0	0	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Chi lập Quỹ khen thưởng	13	073	7953	00000	0	0	46.000.000	46.000.000	46.000.000	46.000.000
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	13	073	7954	00000	0	0	72.976.320	72.976.320	72.976.320	72.976.320
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	12	073	6105	00000	0	0	328.949.328	328.949.328	328.949.328	328.949.328
Phụ cấp khác	12	073	6149	00000	0	0	181.406.160	181.406.160	181.406.160	181.406.160
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12	073	6156	00000	0	0	13.520.000	13.520.000	13.520.000	13.520.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	45.300.000	45.300.000	45.300.000	45.300.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	073	7766	00000	0	0	2.710.050.000	2.710.050.000	2.710.050.000	2.710.050.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	12	098	6105	00000	0	0	3.025.000	3.025.000	3.025.000	3.025.000
Chi khác	12	098	6449	00000	0	0	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000
Chi khác	14	073	6449	00000	0	0	5.699.798.157	5.699.798.157	5.699.798.157	5.699.798.157
Thưởng thường xuyên	18	073	6201	00000	0	0	266.456.000	266.456.000	266.456.000	266.456.000
Cộng:					0	0	18.192.025.377	18.192.025.377	18.192.025.377	18.192.025.377
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Việt

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Thêu Do Thi
Ngày ký: 06/02/2023 16:04:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNVN Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Thêu Do Thi

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Nga
Ngày ký: 06/02/2023 09:01:37
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Nguyễn Thị Tuyết Nga

Người ký: Thân Thị Tuyết Nhung
Ngày ký: 06/02/2023 11:57:04
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chu Văn An

Thân Thị Tuyết Nhung